

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long

Ngày 30/09/2025	6,880 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.5%	0%	-8.9%

DT thuần Q3/25
79.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼52.6 -39.9%
YoY: ▲ 0.40 0.5%

LN thuần Q3/25
9.39
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.61 -41.3%
YoY: ▼10.1 -51.9%

LN sau thuế Q3/25
7.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.97 -40.7%
YoY: ▼6.07 -45.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
20.9%
YoY: +/-▲ 3.5%

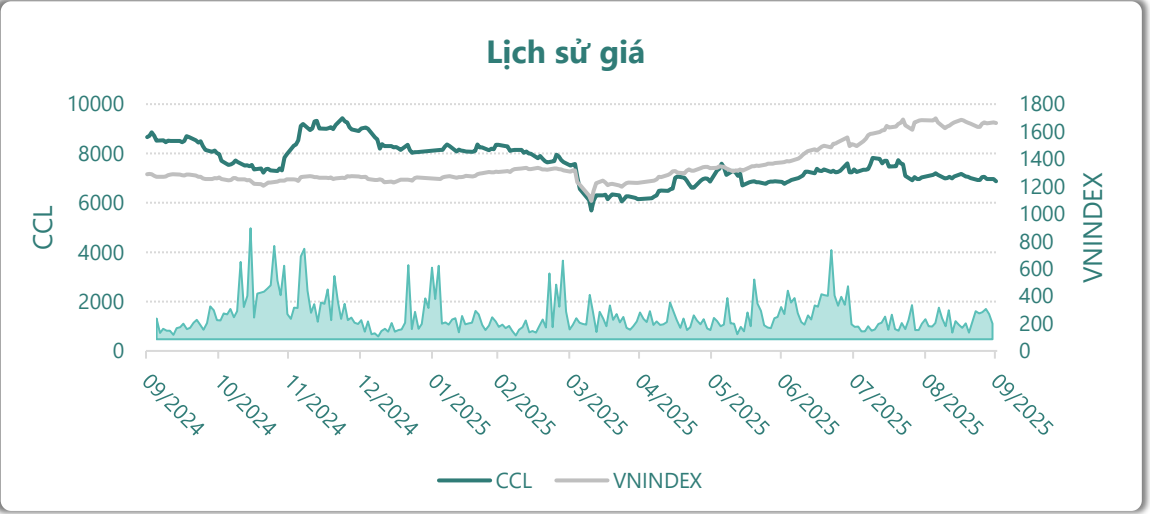
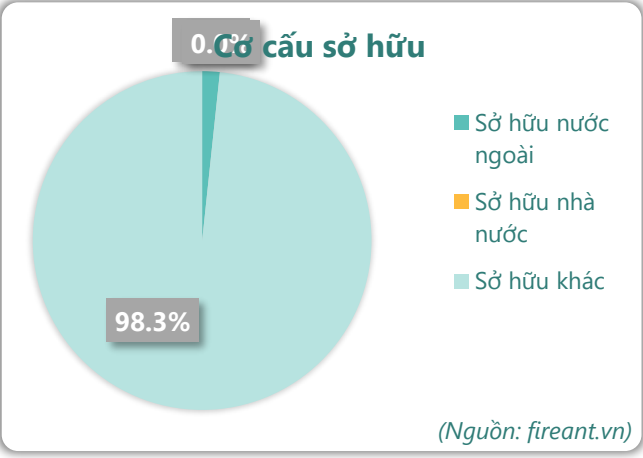
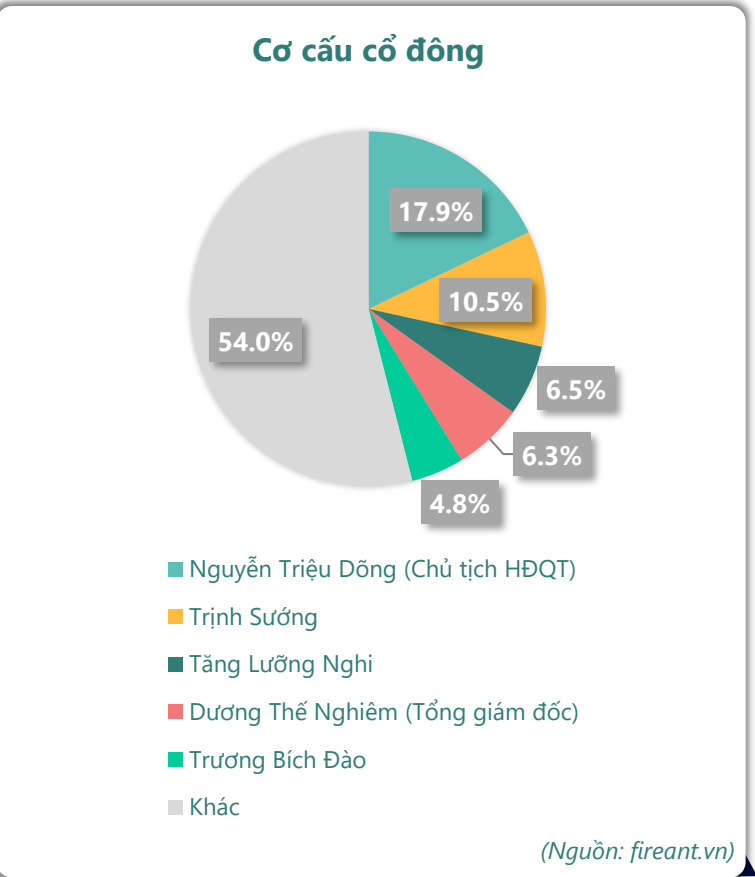
ROE (TTM) Q3/25
5.0%
YoY: +/-▼ 0.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,690 - 9,430
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	410
Số lượng CPLH (CP)	59,581,418
KLGD BQ 20 phiên (CP)	249,635
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	1.06
EPS	610
P/E	11.3

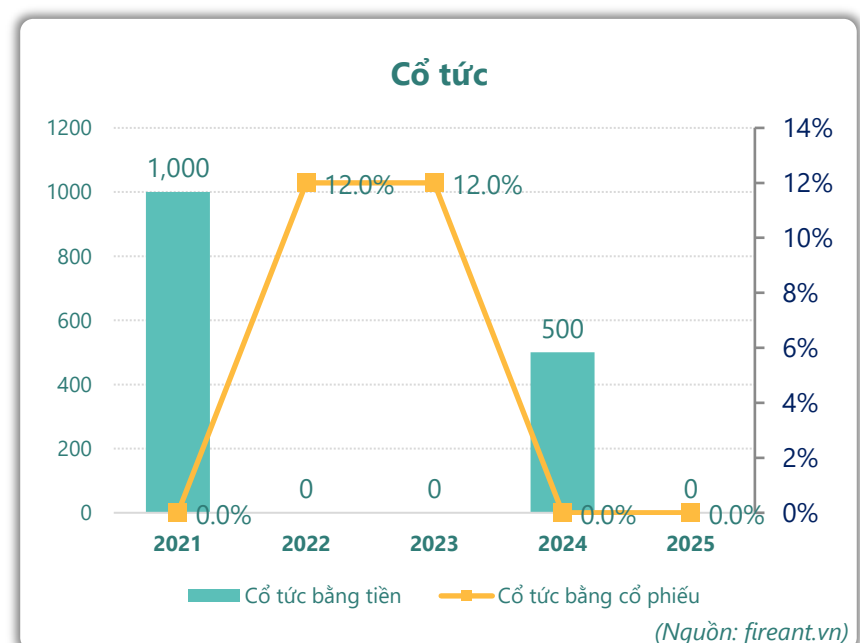
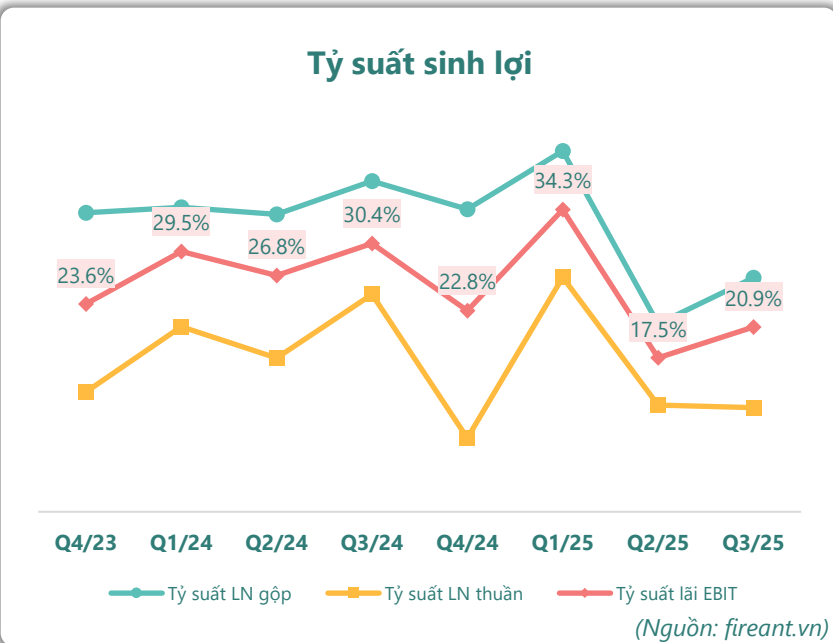
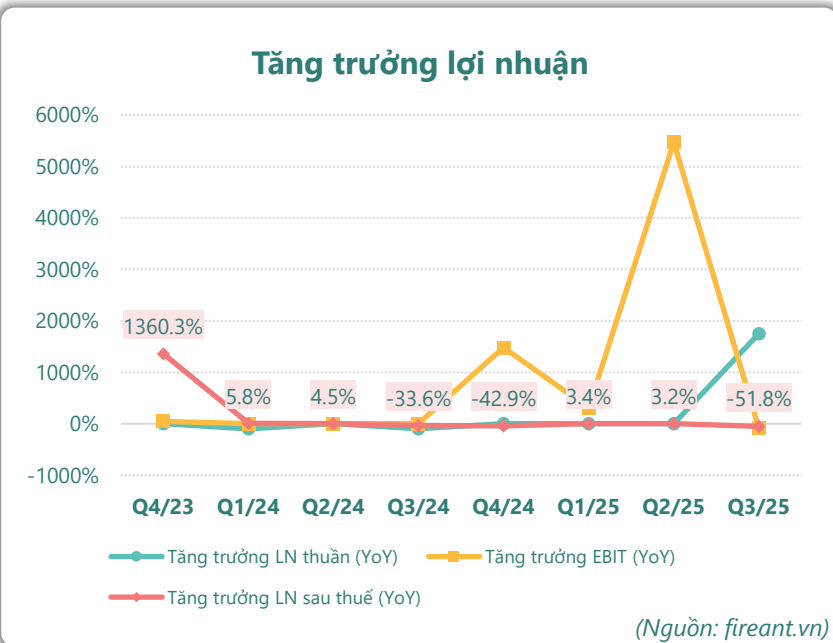
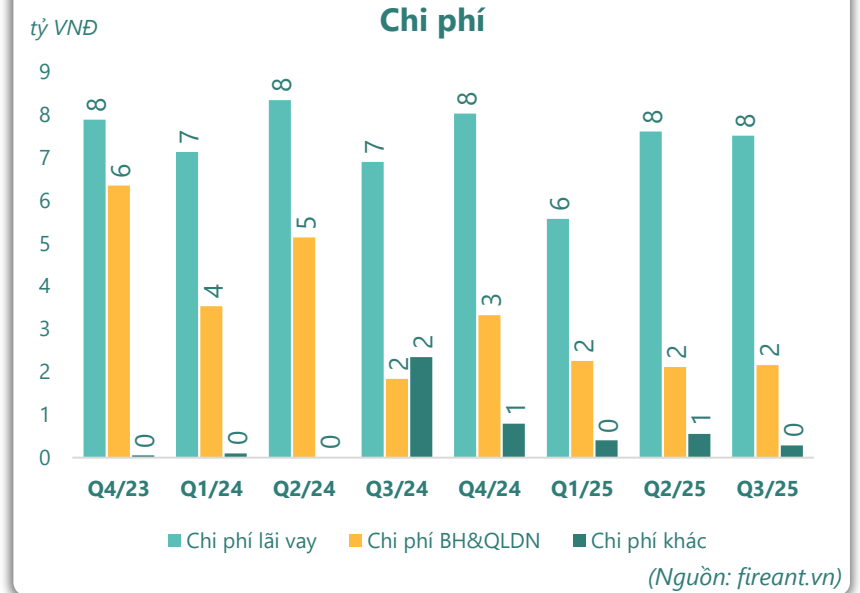
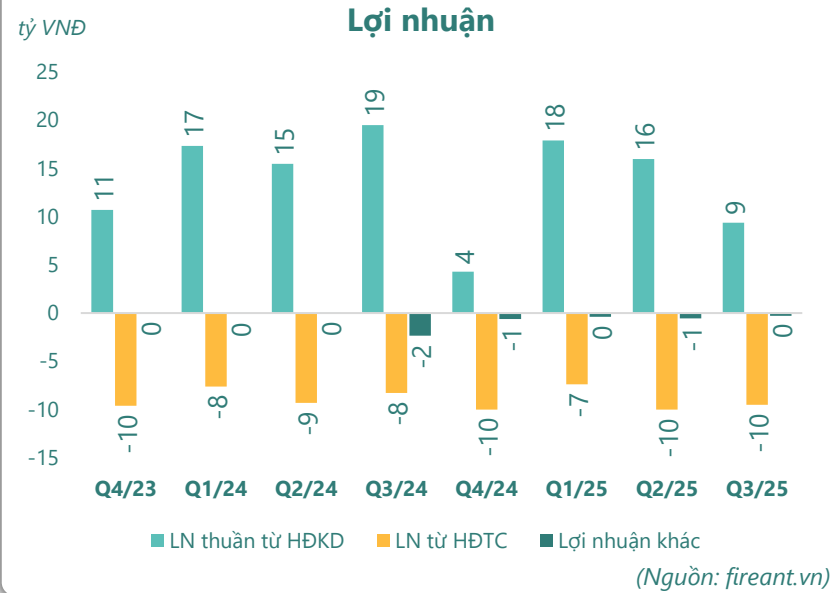
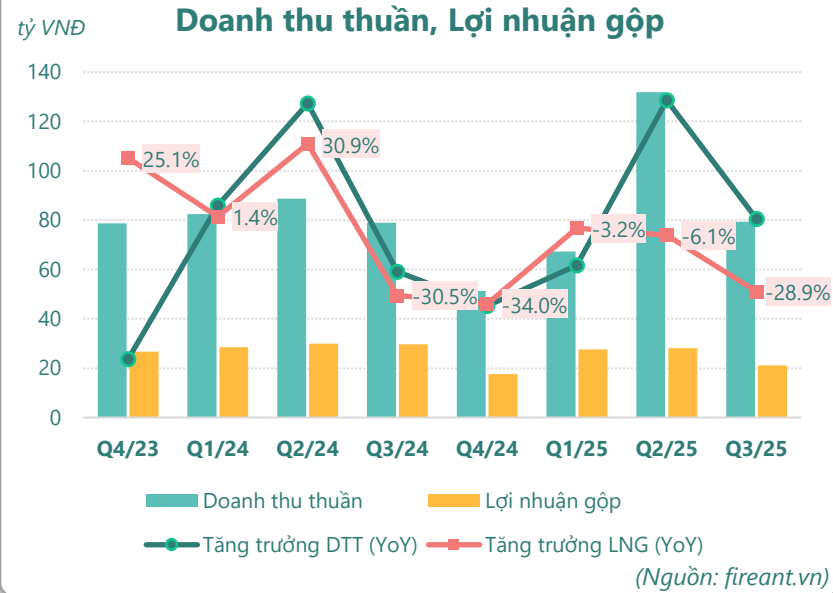
DT thuần 9T 2025
279
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.0 11.3%

LN thuần 9T 2025
43.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.00 -17.3%

LN sau thuế 9T 2025
33.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.00 -15.2%



KẾT QUẢ KINH DOANH



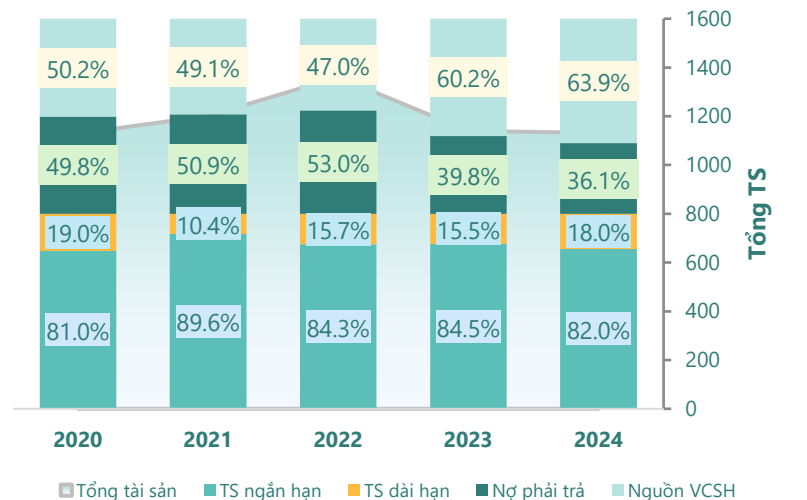


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

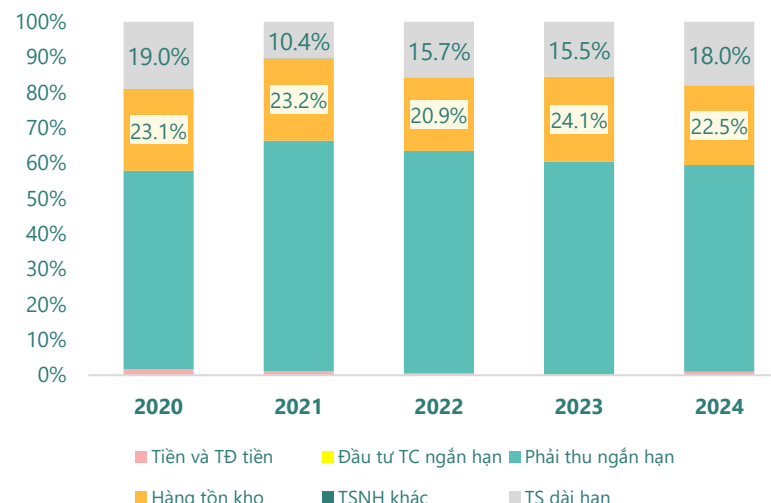
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

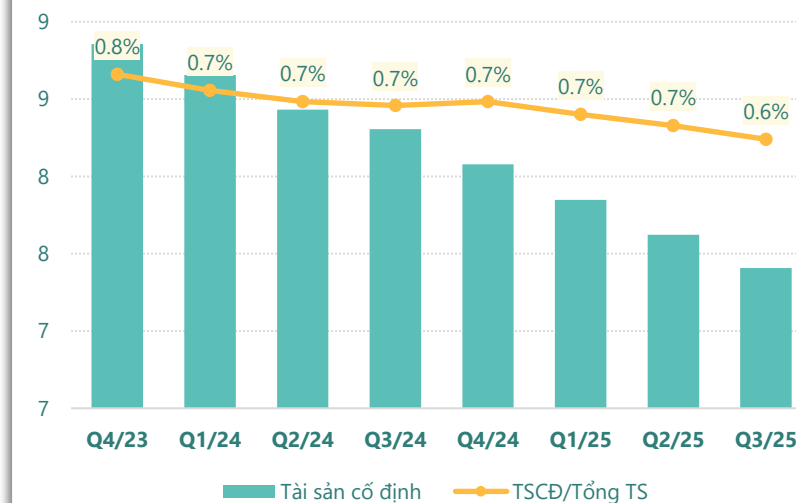
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

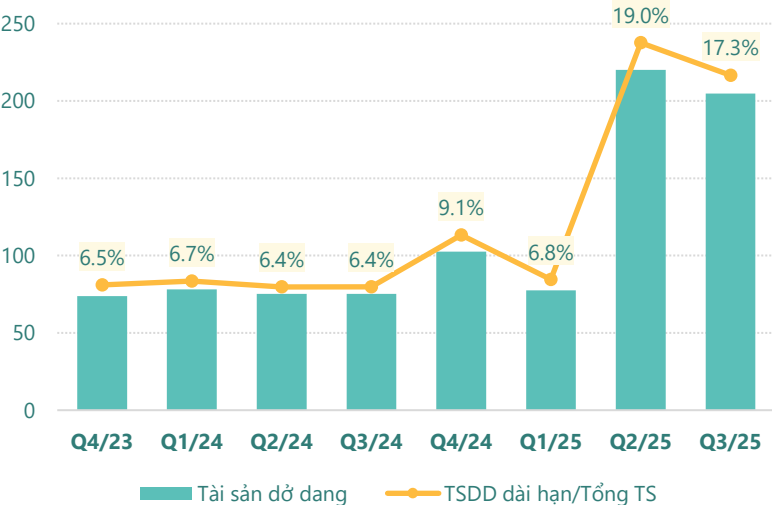
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

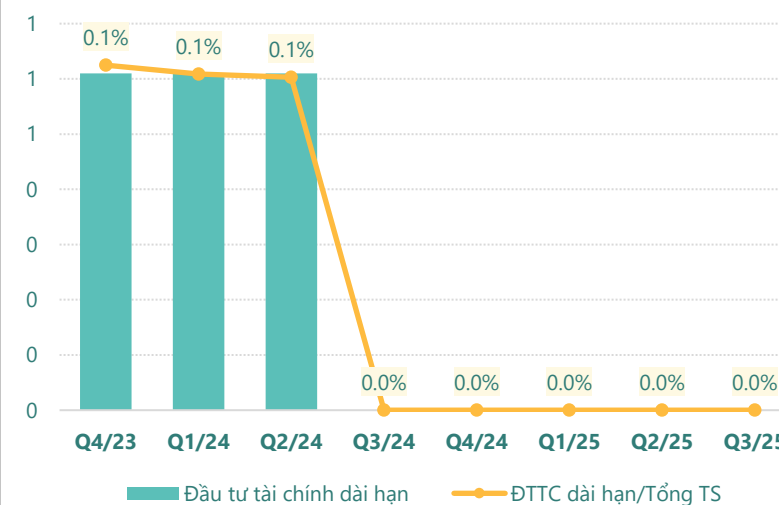
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

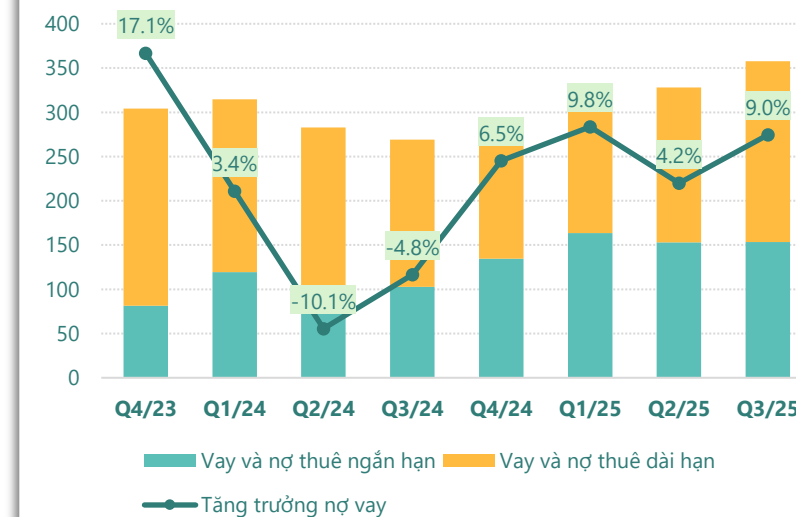
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

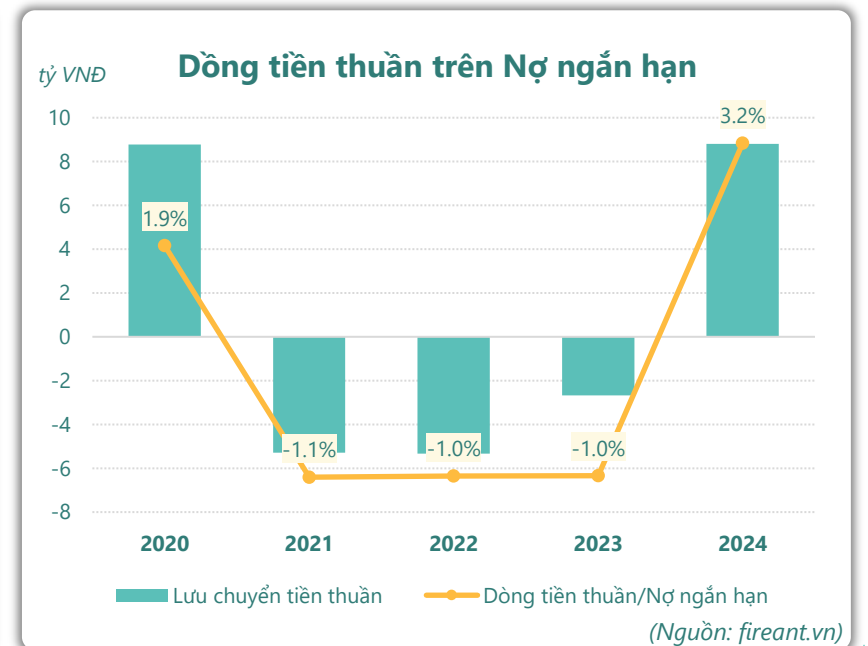
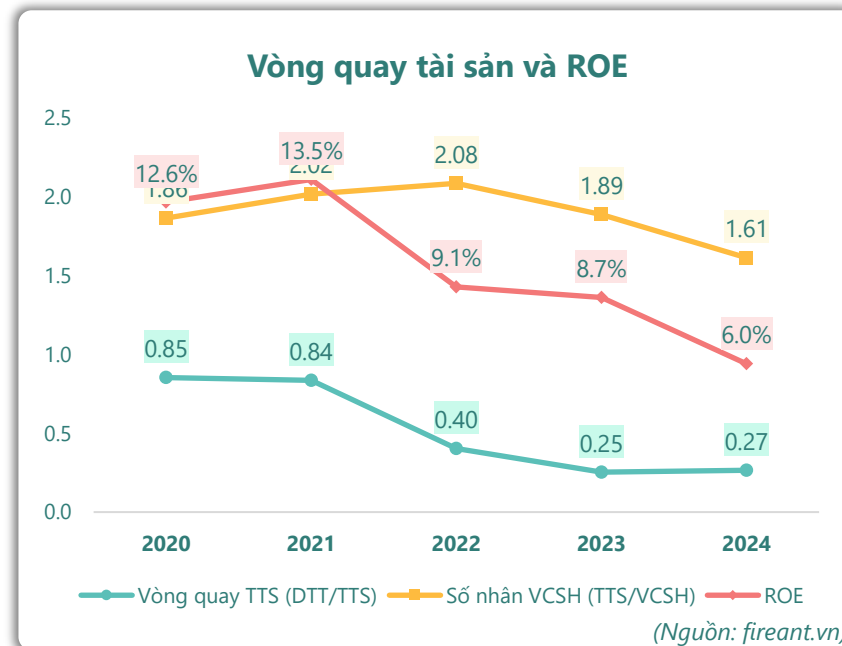
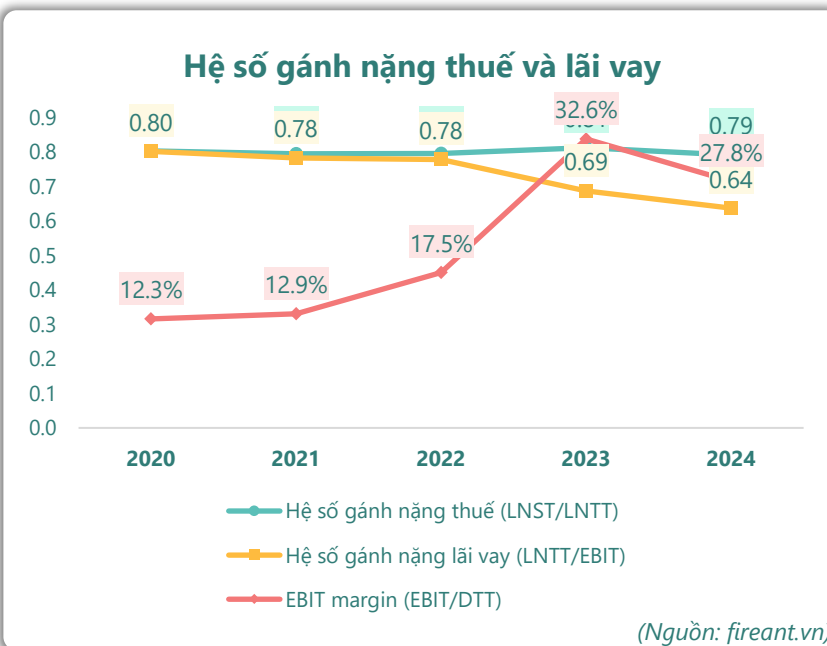
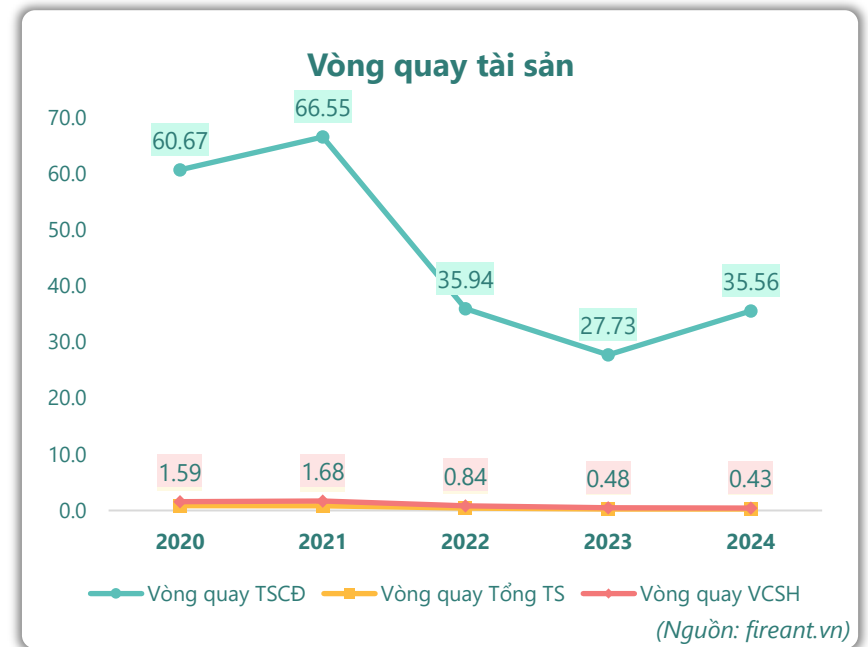
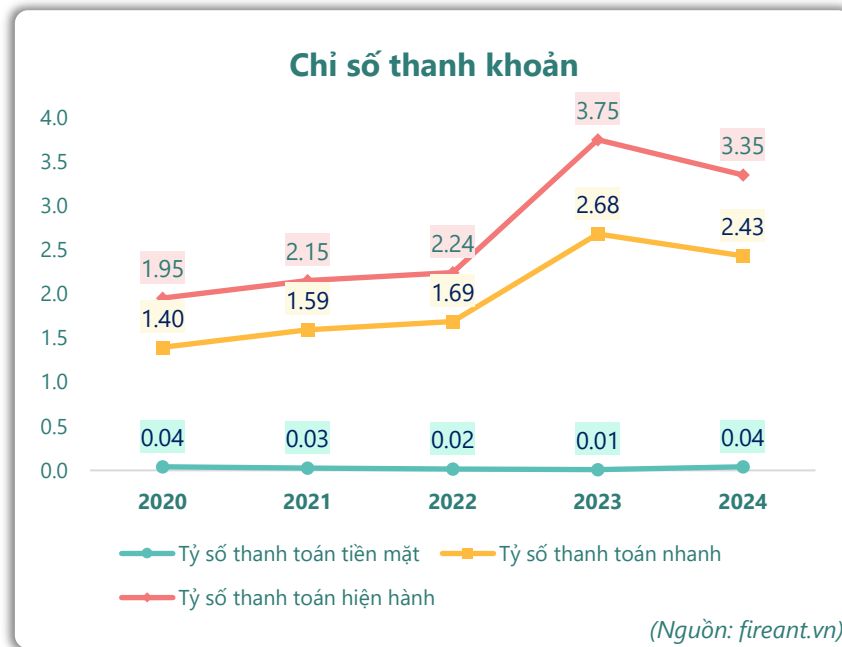
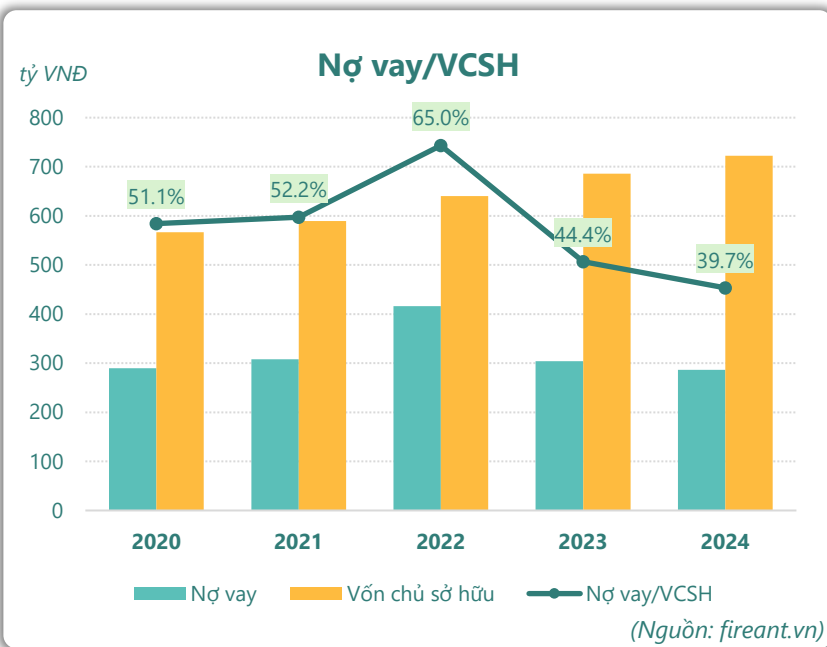
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	79.4	79.0	0.5%	279	250	11.3%
Giá vốn hàng bán	58.3	49.4	18.0%	202	162	24.5%
Lợi nhuận gộp	21.1	29.6	-28.8%	76.7	88.0	-12.8%
Doanh thu HĐTC	0.69	0.10	593%	1.11	0.22	415%
Chi phí TC	10.2	8.40	21.7%	28.0	25.5	10.2%
Chi phí lãi vay	7.51	6.91	8.7%	20.7	22.4	-7.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.46	0.07	554%	1.18	5.13	-77.0%
Chi phí QLDN	1.70	1.78	-4.5%	5.35	5.38	-0.7%
LN thuần từ HĐKD	9.39	19.5	-51.9%	43.3	52.3	-17.3%
Lợi nhuận khác	-0.28	-2.35	88.1%	-1.24	-2.46	49.6%
LN trước thuế	9.11	17.2	-47.0%	42.0	49.8	-15.7%
Lợi nhuận sau thuế	7.23	13.3	-45.6%	33.4	39.4	-15.2%
LNST của CĐ cty mẹ	7.23	13.3	-45.6%	33.4	39.4	-15.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	38.9	10.5	-56.3	-5.29	3.68	-25.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.10	0.71	43.1	0.30	-11.3	6.35
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.9	-13.6	17.4	0.46	13.3	29.6
Tiền đầu kỳ	2.11	9.18	6.80	11.0	6.45	12.2
Lưu chuyển tiền thuần	7.07	-2.38	4.18	-4.53	5.71	10.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.18	6.80	11.0	6.45	12.2	22.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,183	1,132	4.5%
Tài sản ngắn hạn	879	928	-5.3%
Tiền và tương đương tiền	22.3	11.0	103%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.77	0.02	26083%
Phải thu ngắn hạn	648	662	-2.1%
Hàng tồn kho	202	255	-20.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	304	204	49.2%
Phải thu dài hạn	62.8	62.8	0.0%
Tài sản cố định	7.41	8.08	-8.3%
Bất động sản đầu tư	29.0	30.2	-3.9%
Tài sản dở dang	205	103	99.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.05	0.13	-64.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	459	409	12.1%
Nợ ngắn hạn	250	277	-9.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	153	157	-2.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.88	7.48	-48.1%
Nợ dài hạn	209	132	57.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	204	130	57.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	724	723	0.2%
Vốn chủ sở hữu	724	723	0.2%
Vốn điều lệ	596	596	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

